

HAI MƯƠI NĂM ĐỔI MỚI KINH TẾ: *nhìn lại để biết* *chúng ta đang ở đâu,* *tiếp tục đi lên như thế nào ?*

LÊ XUÂN ĐÌNH - NGUYỄN HOÀNG HẢI *

TRẢ lời cho câu hỏi nêu trên vừa khó, lại vừa không khó. Không khó bởi những thành tựu mà chúng ta đạt được đã rất rõ ràng. Khó bởi vì, làm sao xác định được hiện nay chúng ta đang đứng ở đâu. Thấy được một cách toàn diện mọi vấn đề, thuận lợi và khó khăn, cái được và cái chưa được để có bước đi thích hợp hơn trong thời gian tới, thiết nghĩ, cũng là điều rất quan trọng trên bước đường đi tới của đất nước.

Về kinh tế, so với 20 năm trước, nhất là lúc đất nước đang rơi vào "con lốc xoáy" của cuộc khủng hoảng kinh tế, lạm phát phi mã, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô tan rã..., thì đạt được những kết quả như ngày hôm nay thật sự là một kỳ tích. Điều đó đã được bạn bè trên thế giới và chuyên gia nhiều nước đánh giá cao.

Nhiều người trong chúng ta chắc hẳn còn nhớ, lúc đất nước trong cơn suy thoái kinh tế, mỗi sớm mai thức dậy tự hỏi: không biết như thế này thì đã đến "lòng chảo" hay chưa!?, và đến khi nào nó sẽ sang "mép" bên kia của thành chảo để nền kinh tế bắt đầu đi lên, thoát khỏi khủng hoảng.

Thế mà, "chiếc đũa thần" của đường lối đổi mới toàn diện đất nước đã xoay chuyển được

tình thế; trong đó, điều quan trọng nhất phải kể đến là sự thay đổi một cách căn bản về tư duy kinh tế, về nhận thức trên các mặt. Cụ thể là:

- Từ chỗ chưa thừa nhận sản xuất hàng hóa, cơ chế thị trường, tập trung cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, đề cao vai trò của kế hoạch hóa

tập trung, phân bổ mọi nguồn lực theo kế hoạch..., thì nay đất nước đã định hình rõ con đường xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, và coi đây là mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

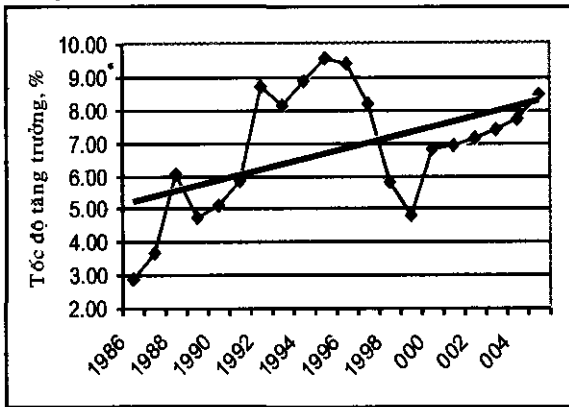
- Thực hiện có kết quả chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong đó các thành phần kinh tế đều được tạo điều kiện phát triển, tồn tại lâu dài, đều là những bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân hoạt động theo pháp luật và cạnh tranh bình đẳng. Luật Doanh nghiệp năm 2000, Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003 đã cơ bản tạo được những khung pháp lý quan trọng để các doanh nghiệp phát triển bình đẳng, nhất là từ khi có Luật Cạnh tranh ra đời. Mọi loại hình doanh nghiệp đã bắt đầu có môi trường để thi thố, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo nhiều sản phẩm mới có chất lượng cho nhu cầu của xã hội. Khi trong nước các thành phần kinh tế được phát triển, thì đầu tư nước ngoài cũng được thu hút ngày càng nhiều hơn. Tính đến tháng 6-2004, có 4.575 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép và còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký đạt trên 43 tỉ USD. Riêng năm 2005,

* Cán bộ giảng dạy Đại học Bách khoa, Hà Nội

cả nước đã có trên 700 dự án FDI được cấp giấy phép với tổng số vốn đăng ký trên 3,6 tỉ USD và 500 lượt dự án tăng vốn đầu tư với tổng số trên 2 tỉ USD. Năm 2005, số vốn đầu tư mới và vốn tăng thêm đã làm cho tổng số vốn FDI đạt trên 5,6 tỉ USD, tăng 41,7% so với năm 2004.

- Kết quả của nền kinh tế nước ta trong gần 20 năm đổi mới được thể hiện khá rõ trong "bức tranh" chung về tốc độ tăng trưởng. Điều đó được hình dung qua Biểu đồ sau:

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP trong 20 năm 1986 - 2005



Chú thích: Đường thẳng là xu hướng (Trend) được xác định từ xử lý số liệu thực tế mức độ tăng trưởng trong 20 năm

Qua Biểu đồ 1 cho thấy, kinh tế nước ta đang lấy lại đà tăng trưởng cao như những năm 1995 (9,54%) và năm 1996 (9,34%), và đã đạt mức cao nhất từ năm 1997 tới nay. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2005 tăng 8,4% (mục tiêu đề ra 8,5%). Đây là sự cố gắng rất lớn của toàn Đảng, toàn dân và rất đáng tự hào, trân trọng bởi trong năm qua nước ta gặp nhiều khó khăn khách quan cũng như những tác động tiêu cực từ bên ngoài, ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế.

- Một thành tựu nổi bật nữa là chúng ta đã làm tốt việc đưa kết quả tăng trưởng kinh tế đến với mọi người. Điều đó thể hiện rõ trong Chỉ số phát triển con người (HDI). Nếu năm 1995 HDI của Việt Nam đạt 0,539, thì

năm 2004 con số đó đã là 0,691; đến năm 2005 vươn lên được 4 bậc (đạt 0,704), đứng thứ 108 trong số 177 nước được xếp hạng. Đáng lưu ý là chỉ số HDI của Việt Nam tăng liên tục trong suốt 10 năm qua, năm sau cao hơn năm trước. Trong danh sách xếp hạng các nước trên thế giới, vị trí HDI của Việt Nam luôn đứng cao hơn vị trí xếp hạng GDP. Nhiều mục tiêu "Thiên niên kỷ" của Việt Nam, như xóa đói giảm nghèo, phát triển giáo dục, tuổi thọ trung bình, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em... đã hoàn thành trước thời hạn.

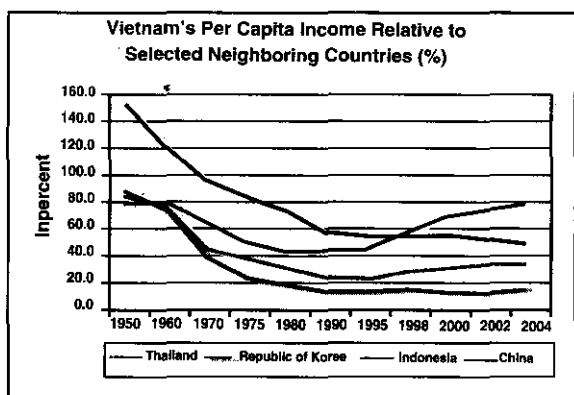
Nhưng tổng kết thành tựu kinh tế 20 năm đổi mới có một thực tế là, khoảng quá nửa quãng thời gian động lực tăng trưởng có được chủ yếu là do "cởi trói", "phá rào" trên cơ sở từng bước xóa bỏ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp. Những khâu đột phá thực sự từ chính sách chỉ trong khoảng 5 - 6 năm gần đây, rõ nét nhất là từ khi có Luật Doanh nghiệp ra đời. Bởi vậy, động lực mạnh mẽ của chính sách phần lớn mới đang ở dạng tiềm năng trong quá trình xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường và trong chủ trương chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Lý giải điều đó có mấy lý do sau:

Thứ nhất, tuy tốc độ tăng trưởng kinh tế của nước ta đạt được là cao, có nhiều năm đứng thứ hai thế giới, chỉ sau Trung Quốc, nhưng do điểm xuất phát thấp, tiềm lực kinh tế của Việt Nam còn nhỏ bé, nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và thế giới đang là một thách thức lớn. Thu nhập trung bình đầu người của Việt Nam năm 2004 đạt 530 USD, năm 2005 là 640 USD (gấp 1,5 lần so với năm 2001), chưa vượt ranh giới 736 USD (để sang nhóm nước có thu nhập trung bình). Nghĩa là, đến nay nước ta vẫn còn nằm trong nhóm những nước có thu nhập bình quân đầu người vào loại thấp trên thế giới.

Nhìn lại trong lịch sử, có tài liệu cho biết năm 1950, thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam gấp rưỡi Trung Quốc (150%), bằng 85,5% của Hàn Quốc, và bằng khoảng

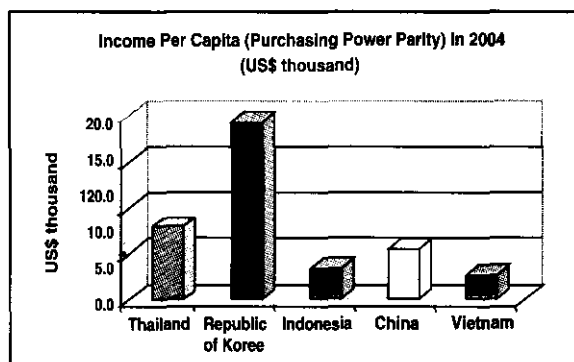
79% - 80% của Thái Lan, In-đô-nê-xi-a. Nay Việt Nam chỉ bằng 1/2 Trung Quốc và khoảng 14,1% của Hàn Quốc. Theo Biểu đồ 2, khoảng cách tụt hậu này có phần giảm đôi chút (đường cong đi lên) từ sau 1997 so với Thái Lan và In-đô-nê-xi-a (gần đạt mức chênh lệch với In-đô-nê-xi-a cách nay hơn 50 năm). Đây có thể là do nền kinh tế của hai nước này bị thiệt hại nặng nề bởi cuộc khủng hoảng kinh tế châu Á vào thời gian đó.

Biểu đồ 2: Thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam trong mối tương quan với một số nước trong khu vực (%)



Trên Biểu đồ 3 là số liệu về GDP tính theo đầu người theo cách tính sức mua tương đương (PPP) của giá trị đồng tiền Việt Nam (năm 2004 Việt Nam đạt 2.700 USD).

Biểu đồ 3: Thu nhập bình quân đầu người năm 2004 tính theo sức mua tương đương PPP, nghìn USD



Thứ hai, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư chưa cao, đang có xu hướng giảm trong mấy năm gần đây. Điều đó thể hiện rõ nhất trên chỉ số

ICOR (tăng từ 3 của 10 năm trước lên 5 - 7 hiện nay), trong tăng trưởng GDP, phần vốn đầu tư đã tăng lên tới trên 57% năm 2005. Môi trường đầu tư tuy đã có nhiều thông thoáng, nhưng hạn chế cơ bản nhất là chưa tạo được cơ chế phù hợp để những luồng vốn đầu tư trong nước được huy động tối đa cho phát triển sản xuất (ước tính còn khoảng 1/3 vốn nhàn rỗi trong nhân dân đang nằm dưới dạng tích trữ vàng, ngoại tệ và đầu cơ bất động sản - đất đai); vốn đầu tư, nhất là vốn đầu tư nhà nước chưa chảy một cách phù hợp với quy luật thị trường, nghĩa là từ nơi có tỷ suất lợi nhuận thấp sang nơi có tỷ suất lợi nhuận cao. Cụ thể là, đầu tư ngân sách vẫn chủ yếu (khoảng 80%) đang được rót vào khối doanh nghiệp nhà nước với hiệu quả sử dụng thấp. Tiên độ sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước còn chậm. Đã thế, hệ thống ngân hàng thương mại vẫn nặng về cho vay đối với doanh nghiệp nhà nước (để được bảo đảm an toàn vì có Nhà nước bảo lãnh - tín chấp), đối với khu vực kinh tế khác thì nặng về cầm cố trong cơ chế cho vay, chưa thực sự cùng với nhà đầu tư tìm cách sử dụng vốn vay thật hiệu quả. Nghèo mà không biết cách chịu đựng đồng vốn, không đưa vốn vào nơi hệ số sử dụng hiệu quả cao, thì chưa làm được việc "chọn mặt gửi vàng". Đây là một cản trở lớn đối với việc rút ngắn khoảng cách với các nước trong khu vực và thế giới.

Thứ ba, trong quá trình thực hiện chủ trương đúng đắn của Đảng là chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta còn lúng túng trong việc lựa chọn cơ cấu kinh tế hợp lý, gấp rút nâng cao năng lực cạnh tranh trên cả 3 cấp độ: quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm. Sức cạnh tranh của một số mặt hàng công nghiệp trên thị trường trong nước và xuất khẩu chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập sâu vào thị trường khu vực theo lộ trình thực hiện AFTA và chuẩn bị gia nhập WTO của Việt Nam. Công nghiệp khu vực nhà nước tăng trưởng chậm. Sau 5 năm thâm hụt thương mại liên tục gia tăng, thì năm 2005 đã có dấu

hiệu giảm khoảng 1 tỉ USD, còn 4,65 tỉ USD (năm 2004 con số đó là 5,52 tỉ USD), trong đó dầu thô, thủy hải sản và gạo đã góp phần đáng kể vào việc tăng kim ngạch xuất khẩu. Muốn đẩy mạnh xuất khẩu trong thời gian tới, giảm dần thâm hụt trong cán cân thương mại, nhất thiết phải điều chỉnh cơ cấu xuất khẩu, nhất là tập trung tăng tỷ trọng những mặt hàng công nghiệp, mặt hàng có nhiều giá trị gia tăng (hiện nay, nước ta mới đạt khoảng 25%, trong khi đó Trung Quốc đã vượt lên mức 90%) thay vì xuất khẩu tài nguyên và hàm lượng lao động cao như hiện nay.

Thứ tư, một số vấn đề về tư duy, lý luận còn biểu hiện giáo điều, xơ cứng. Chẳng hạn như nhận thức về vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân, về sự phát triển và quy mô của khu vực kinh tế tư nhân, về sự bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp... Điều đó làm cho việc đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững... chưa thực sự thống nhất với việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong chỉ đạo thực tiễn. Trong nhiều chủ trương, chính sách, thời kỳ "cởi trói" đã qua, nay phải tập trung vào việc tạo động lực cho phát triển nhanh, nhất là động lực mạnh mẽ từ chủ trương, chính sách trong xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Bởi vậy, hệ thống hành chính phải chuyển mạnh từ "cai trị là chính" sang "phục vụ", tham gia tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, cho nhân dân để có cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc. Trong lúc chúng ta rất dễ nhất trí trong việc thu hút mạnh mẽ vốn đầu tư nước ngoài (1), lại rất dè dặt với đầu tư trong nước, nhất là đối với các dự án lớn (vì còn e ngại về sự ra đời và phát triển của các chủ tư bản lớn), hoặc các phương thức huy động vốn mới, như cổ phần hóa. Thực chất của sự hình thành xã hội tham dự, công chúng nắm giữ cổ phiếu, trở thành các cổ đông ở chỗ, như C. Mác đã nhận xét vào cuối thế kỷ XIX, là chính bản thân những công ty cổ phần của công nhân như là một loại nhà máy hợp tác, và đây chính là một "lỗ thủng" đầu tiên trong

hình thái kinh tế tư bản chủ nghĩa. Sự đối kháng giữa lao động làm thuê và chủ tư bản đã được xóa bỏ trong phạm vi những nhà máy hợp tác đó; mặc dầu ban đầu nó chỉ được xóa bỏ bằng cách biến những người lao động liên hiệp thành những "nhà tư bản" với chính bản thân mình. Nghĩa là cho họ "có thể dùng tư liệu sản xuất để bóc lột lao động của chính họ". Qua thực tế hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa mới thấy được rằng, khi lợi ích kinh tế của người lao động gắn chặt với cổ phần của họ trong công ty, thì vai trò làm chủ của họ mới đi vào thực chất, quy chế làm chủ, quy chế dân chủ mới thực sự phát huy tác dụng trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Ngoài ra, các yếu tố tác động đến tốc độ tăng trưởng kinh tế chung, cũng như cục diện kinh tế thế giới chưa ổn định, khó lường... đã ảnh hưởng lớn đến thị trường nhập khẩu nguyên liệu, nhiên liệu, phụ liệu cũng như thị trường xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ, nhất là khi tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu của nước ta đã vượt ngày một xa so với GDP, đồng nghĩa với sự lệ thuộc ngày một lớn vào thị trường thế giới. Thị trường trong nước phát triển chậm và không bền vững cả về lượng lẫn chất. Chưa có được những nhà phân phối lớn, trong lúc các nhà đầu tư nước ngoài đang rất muốn nhảy vào để chiếm lĩnh. Sức mua của dân cư, nhất là khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng cao, vùng xa còn nhiều hạn chế do thu nhập và đời sống còn nhiều khó khăn. Chỉ số về bảo đảm công bằng trong phân phối GINI đang tăng lên dần. Lao động dư thừa, việc làm thiếu đang trở thành áp lực đối với tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tỷ lệ lao động

(1) Trong đó, vấn đề quan trọng là chấp nhận tư bản nước ngoài bóc lột lao động trong nước, thế nhưng trên thực tế chưa có công trình nào đánh giá cụ thể về tỷ suất giá trị thặng dư. Trong khi đó, chẳng hạn có tài liệu nêu rằng, sản phẩm đồ chơi của Trung Quốc tuy đang tràn ngập thị trường châu Âu, nhưng chỉ có 2% - 3% giá bán là vào tay người lao động trực tiếp tại nơi sản xuất

qua đào tạo đến năm 2005 mới đạt 24% (kế hoạch đề ra là 30%). Sức ép về lao động, việc làm đối với lao động trẻ ở khu vực thành thị còn lớn do tỷ lệ thất nghiệp còn cao (13,4% năm 2005).

Thứ năm, nhiều việc còn trong tình trạng trì trệ, như: cải cách hành chính còn chậm, việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng, chưa tạo được lòng tin trong nhân dân, trật tự kỷ cương trong bộ máy nhà nước và ngoài xã hội còn nhiều bức xúc. Hai nhiệm vụ lớn trong những năm tới, thiết nghĩ là phải tập trung nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế và chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm,

chống lãng phí. Hai nhiệm vụ này phải gắn bó mật thiết với nhau. Muốn nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trên cả 3 cấp độ như đã nêu ở trên thì môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư cần phải gấp rút được cải thiện, trong đó vấn đề nổi cộm nhất hiện nay là tính minh bạch của hệ thống pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật, cách ứng xử của đội ngũ cán bộ công quyền... Những vấn đề này đang làm tăng chi phí gián tiếp của đầu tư và kinh doanh một cách không minh bạch, khó lường do tệ tham nhũng, nhất là tệ đưa và nhận hối lộ, hạch sách của cán bộ, công chức.

Có thể nói một cách hình ảnh là chúng ta

đang đi trên một con tàu, nhìn sang các tỉnh vật xung quanh thì thấy con tàu của chúng ta vẫn đang chạy với tốc độ khá nhanh; trong khi nhìn vào "các con tàu" của nền kinh tế các nước, thì thấy con tàu của chúng ta chạy còn chậm, thậm chí là thụt lùi so với một số đoàn tàu khác. Để khắc phục tình trạng đó, nhằm thực hiện quyết tâm tiến lên, rút ngắn dần khoảng cách tụt hậu, thì phải "cắn" lấy các con tàu đang chạy nhanh hơn để chúng ta điều chỉnh tốc độ, tháo gỡ những rào cản, vướng mắc trên đường đi, trong đó có tư duy kinh tế còn chậm đổi mới; quyết tâm hành động và phải hành động thật kiên quyết, nhưng phải khắc phục giáo điều và tránh chủ quan, duy ý chí. □



Một vụ mùa bội thu *Ảnh: TL*